

Số: **1306**/ĐA-UBND

Thị xã Quảng Trị, ngày **06** tháng 10 năm 2022

**ĐỀ ÁN
XÃ HỘI HÓA LÁT VỈA HÈ CÁC TUYẾN ĐƯỜNG TRÊN ĐỊA BÀN
THỊ XÃ QUẢNG TRỊ GIAI ĐOẠN 2023-2025**

**Phần 1
SỰ CẦN THIẾT VÀ CĂN CỨ PHÁP LÝ XÂY DỰNG ĐỀ ÁN**

I. SỰ CẦN THIẾT CỦA ĐỀ ÁN

Thị xã Quảng Trị là trung tâm kinh tế, văn hóa, du lịch phía Nam của tỉnh Quảng Trị. Toàn thị xã có 5 đơn vị hành chính trực thuộc với tổng diện tích đất tự nhiên là 7.291,6 ha, trong đó đất đô thị ở 4 phường nội thị là 816,13 ha, chiếm 11,19% diện tích, xã Hải Lệ với 6.475 ha chiếm 88,81 diện tích đất thị xã.

Trong những năm qua, thị xã Quảng Trị đã phát huy nội lực, tranh thủ quan tâm giúp đỡ của tỉnh và Trung ương để đẩy mạnh xây dựng hạ tầng xã hội và hạ tầng kỹ thuật đô thị. Nhiều công trình mới được xây dựng, nhiều tuyến đường mới được lát vỉa hè, lắp đặt bó vỉa và hệ thống chiếu sáng công cộng hoàn thành đưa vào sử dụng làm cho bộ mặt đô thị ngày càng khởi sắc, khang trang hơn. Tuy vậy, do ngân sách thị xã khó khăn, việc đầu tư lắp đặt hệ thống hạ tầng cơ sở như: bó vỉa, lát vỉa hè, thoát nước mặt, thoát nước thải trên các tuyến đường vẫn còn hạn chế và chưa đáp ứng yêu cầu. Vì vậy, việc tập trung huy động mọi nguồn lực của xã hội để đẩy nhanh tốc độ đầu tư xây dựng hệ thống giao thông, thoát nước, điện chiếu sáng lát vỉa hè các tuyến đường góp phần từng bước hoàn thiện kết cấu hạ tầng kỹ thuật đô thị, thiết chế văn hóa và xây dựng thị xã văn minh giàu đẹp là một trong những nhiệm vụ hết sức quan trọng.

Nhằm cụ thể hóa chương trình hành động thực hiện Nghị quyết Đảng bộ tỉnh lần thứ XVII, Nghị quyết đại hội Đảng bộ thị xã Quảng Trị lần thứ VII, phấn đấu đạt các chỉ tiêu về hạ tầng kỹ thuật đô thị loại III vào năm 2025. Trong điều kiện khả năng ngân sách của thị xã còn gặp nhiều khó khăn, việc vận động xã hội hóa đầu tư xây dựng hệ thống vỉa hè góp phần giảm bớt gánh nặng kinh phí cho nhà nước, đồng thời phát huy sức mạnh tổng hợp của nhân dân trong việc góp sức cùng nhà nước để đầu tư phát triển nhân rộng mô hình xã hội hóa lát vỉa hè trên các tuyến đường được nâng lên. Do vậy, việc xây dựng và ban hành Đề án xã hội hóa lát vỉa hè trên địa bàn thị xã giai đoạn 2023-2025 là yêu cầu hết sức cấp thiết trong giai đoạn hiện nay.

II. CĂN CỨ PHÁP LÝ

Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/06/2014; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng ngày 17/6/2020;

Nghị quyết số 1210/2016/UBTVQH 13 ngày 25/5/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về phân loại đô thị;

Nghị định số 24/1999/NĐ-CP ngày 16/4/1999 của Chính phủ về ban hành Quy chế tổ chức huy động, quản lý và sử dụng các khoản đóng góp tự nguyện của nhân dân để xây dựng cơ sở hạ tầng của các xã, thị trấn;

Nghị định số 72/2012/NĐ-CP ngày 24/9/2012 của Chính phủ về quản lý và sử dụng chung công trình hạ tầng kỹ thuật;

Nghị định của Chính phủ: Số 15/2021/NĐ-CP ngày 03/03/2021 quy định chi tiết một số về quản lý dự án đầu tư xây dựng; số 06/2021/NĐ-CP ngày 26/01/2021 quy định chi tiết một số nội dung về việc quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng; số 10/2021/NĐ-CP ngày 09/02/2021 về quản lý chi phí đầu tư xây dựng;

Thông tư số 85/1999/TT-BTC ngày 07/7/1999 của Bộ Tài chính Hướng dẫn thực hiện Quy chế tổ chức huy động, quản lý và sử dụng các khoản đóng góp tự nguyện của nhân dân để xây dựng cơ sở hạ tầng của các xã, thị trấn;

Thông tư số 19/2005/TT-BTC ngày 09/3/2005 của Bộ Tài chính về Hướng dẫn việc công khai tài chính đối với các quỹ có nguồn gốc từ ngân sách nhà nước và các quỹ có nguồn từ khoản đóng góp của nhân dân;

Quyết định 1120/QĐ-UBND ngày 29/6/2012 của UBND tỉnh Quảng Trị về việc điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng thị xã Quảng Trị, tỉnh Quảng Trị đến năm 2020, định hướng đến năm 2030;

Quyết định số 1509/QĐ-UBND ngày 26/8/2013 của UBND tỉnh Quảng Trị về việc phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển hệ thống đô thị trên địa bàn tỉnh Quảng Trị giai đoạn đến năm 2020;

Kế hoạch phát triển kinh tế xã hội thị xã Quảng Trị giai đoạn 2021 – 2025;

Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XVII, Nghị quyết Đại hội Đảng bộ thị xã Quảng Trị lần thứ VII về nhiệm vụ và giải pháp “Xây dựng thị xã Quảng Trị giàu đẹp, văn minh, thân thiện, nghĩa tình, phấn đấu đạt đô thị loại III vào năm 2025, hướng đến đô thị Hòa Bình”.

Phần 2

THỰC TRẠNG HỆ THỐNG VỈA HÈ TRÊN ĐỊA BÀN

1. Tình hình thực hiện công tác lát vỉa hè trên địa bàn

Thị xã Quảng Trị có tổng diện tích đất dành cho đường giao thông 274,94 ha, chiếm 14,28% diện tích đất quy hoạch xây dựng. Hiện tại thị xã có 63 tuyến đường giao thông chính với chiều dài trên 59,4 km, trong đó bao gồm 6 km đường quốc lộ (QL1A, QL 49C, tuyến tránh QL1A), 41,3 km đường nội thị, 12,1 km đường liên xã, gần 72 km đường phường, xã, hẻm kiệt, thôn xóm.

Hệ thống vỉa hè các tuyến đường trên địa bàn thị xã được triển khai xây dựng từ những năm 2009-2010 với phương thức nhà nước và nhân dân cùng làm trong đó nhà nước đầu tư 70%, nhân dân đóng góp 30% phần diện tích cần lát vỉa hè. Phần bó vỉa, hệ thống thoát nước, bó gốc cây nhà nước đầu tư 100%. Được thực hiện trên các tuyến đường: Trần Hưng Đạo, Quang Trung, Ngô Quyền. Từ năm 2021 đến nay dự án Nâng cấp hệ thống giao thông đô thị thị xã đang tổ chức triển khai thi công lát vỉa hè trên các tuyến đường: Lê Duẩn, Lý Thường Kiệt, Lê Hồng Phong và Lý Thái Tổ với cùng phương thức. Ngoài ra các tuyến đường trong Khu đô thị mới Võ Thị Sáu, các khu vực công cộng như: Trường THPT thị xã, di tích trường Bồ Đề cũng được quan tâm đầu tư xây dựng. Tổng chiều dài các tuyến đường được lát vỉa hè gần 7 km với diện tích lát vỉa hè trên 47.000 m². Vỉa hè được lát bằng gạch terazo kích thước 300x300 và 400x400, màu sắc hài hòa, phù hợp.

Tỷ lệ các tuyến đường được lát vỉa hè 8/63 tuyến với chiều dài 7/59,4 km đạt tỷ lệ 12%, chiếm tỷ lệ thấp.

2. Đánh giá những kết quả đạt được

Nhìn chung trên các tuyến đường được tổ chức lát vỉa hè theo phương thức nhà nước và nhân dân cùng làm đã tạo được sự đồng thuận trong nhân dân. Hầu hết nhân dân trên các tuyến đều tham gia đóng góp kinh phí để thực hiện. Một số tuyến có nhiều hộ gia đình khó khăn về kinh phí, UBND các phường đã tổ chức vận động các nhà tài trợ, hảo tâm hỗ trợ kinh phí để giảm bớt phần đóng góp cho nhân dân.

Những năm đầu thực hiện do đời sống của nhân dân còn khó khăn, một số khu vực nhân dân chưa thống nhất đóng góp để xây dựng. Tuy nhiên sau một thời gian thực hiện, nhận thấy được hiệu quả của mang lại nên nhân dân đã tích cực tham gia đóng góp xây dựng. Đặc biệt là các tuyến đường theo Dự án Nâng cấp hệ thống giao thông đô thị chuẩn bị triển khai thi công.

Việc triển khai thực hiện lát vỉa hè ngoài mục đích chỉnh trang đô thị, phục vụ giao thông đi lại, sinh hoạt của các hộ dân trên tuyến còn góp phần đảm bảo trật tự hành lang an toàn giao thông đường bộ. Tạo niềm tin, phấn khởi trong nhân dân, bộ mặt đô thị ngày càng khang trang, khởi sắc, góp phần đưa thị xã tiệm cận các tiêu chí đô thị loại III.

3. Một số vướng mắc và nguyên nhân

- Các tuyến đường triển khai lát vỉa hè đã thực hiện có bề rộng vỉa hè khá lớn 3-5m, nên kinh phí thực hiện tính bình quân từng hộ gia đình khá lớn do đó các hộ

gia đình chưa thống nhất thực hiện. Sự tham gia đóng góp kinh phí của người dân chưa cao (*tình trạng các hộ gia đình nợ lát vỉa hè còn khá nhiều*).

- Do đời sống kinh tế của các gia đình còn khó khăn, nhu cầu sử dụng vỉa hè vào mục đích dân sinh của người dân chưa nhiều nên tỷ lệ tham gia đóng góp ít.

- Công tác tuyên truyền vận động người dân đóng góp kinh phí để xây dựng vỉa hè chưa được chú trọng. Sự tham gia hỗ trợ kinh phí của các thành phần kinh tế trong xã hội chưa nhiều.

- Việc tổ chức khảo sát chưa thật cụ thể nên xảy ra tình trạng chưa thật hợp lý về khối lượng giữa các gia đình.

Phần 3

NỘI DUNG ĐỀ ÁN XÃ HỘI HÓA LÁT VỈA HÈ THỊ XÃ QUẢNG TRỊ GIAI ĐOẠN 2023-2025

I. Mục tiêu

1. Mục tiêu chung

- Đa dạng hóa huy động các nguồn lực đóng góp từ nhân dân, đảm bảo dân chủ, công khai, minh bạch và sử dụng vốn có hiệu quả, tạo niềm tin, động viên, khích lệ người dân tích cực tham gia xây dựng đô thị, đẩy mạnh xã hội hóa đầu tư xây dựng hệ thống vỉa hè, góp phần từng bước hoàn thiện đồng bộ kết cấu hạ tầng đô thị để xây dựng và phát triển thị xã cơ bản đạt các tiêu chí đô thị loại III vào năm 2025 theo mục tiêu Nghị quyết Đại hội Đảng bộ thị xã lần thứ VII.

- Đẩy nhanh tiến độ đầu tư hoàn thiện xây hệ thống hạ tầng kỹ thuật, thiết chế văn hóa. Nâng cao trách nhiệm của UBND các phường, xã, các khu phố, và các tổ chức kinh tế, xã hội, cộng đồng dân cư trong việc giám sát, bảo vệ hệ thống kết cấu hạ tầng đô thị và huy động nguồn lực thực hiện công tác xã hội, cùng chung tay với nhà nước trong công tác chỉnh trang cơ sở hạ tầng kỹ thuật và xây dựng nếp sống văn minh đô thị, góp phần xây dựng thị xã văn minh, giàu đẹp.

- Thực hiện tốt quy chế dân chủ trong cộng đồng dân cư, tăng cường sự lãnh đạo của các cấp ủy Đảng, chính quyền, sự giám sát của mặt trận và các đoàn thể trong việc huy động và quản lý các nguồn lực đóng góp để thực hiện công tác xã hội hóa lát vỉa hè.

2. Mục tiêu cụ thể

Phấn đấu đến năm 2025, có thêm 8 tuyến đường tổng chiều dài là 4,44 km được lát vỉa hè tăng tỷ lệ lát vỉa hè các tuyến đường của thị xã lên 23% (4.44+9.45/59,4), trong đó 2,45 km thực hiện theo dự án Nâng cấp hệ thống giao thông đô thị trên các tuyến đường Lý Thái Tổ, Lê Hồng Phong, Lý Thường Kiệt và Lê Duẩn.

Do điều kiện ngân sách thị xã còn nhiều khó khăn, phải đầu tư cho nhiều mục tiêu, nhiệm vụ quan trọng khác nên trong tại Đề án này chỉ tổ chức thực hiện xã hội hóa lát vỉa hè các tuyến đường thuộc các phường 1,2,3 đối với những tuyến đường

đã được thi công mặt đường, lấp đặt bó vỉa, thoát nước hoàn chỉnh và có chiều rộng cần lát vỉa hè từ 1,5m trở lên.

Trên 8 tuyến, chiều dài là 4,44km, diện tích vỉa hè cần thực hiện là: 14.064m².

Trong đó:

+ Phường 1, 2 tuyến: Trần Phú, Hai Bà Trưng/ 0.97km/3.410m²

+ Phường 2, 3 tuyến: Lê Quý Đôn, Hai Bà Trưng, Võ Thị Sáu/ 0,57km/1.660m²

+ Phường 3, 3 tuyến: Nguyễn Bình Khiêm, Nguyễn Trãi, Hai Bà Trưng/ 2,90km/8.994 m²

II. Quy định chung

1. Các quy định về xã hội hóa

1.1. Đối tượng vận động xã hội hóa

a) Hộ gia đình, doanh nghiệp trong khu dân cư hưởng lợi trực tiếp trên tuyến đường được đầu tư xây dựng.

b) Vận động các hộ gia đình gián tiếp hưởng lợi trên tuyến; các hộ gia đình thuộc tổ an ninh nhân dân tham gia đóng góp.

c) Kêu gọi, vận động các doanh nghiệp, các nhà tài trợ, các tổ chức, cá nhân hỗ trợ kinh phí hoặc tham gia đầu tư xây dựng lát vỉa hè theo Đề án được phê duyệt.

d) Khuyến khích các hộ gia đình có điều kiện hỗ trợ kinh phí đóng góp cho các hộ cận nghèo, hộ nghèo, hộ gặp hoàn cảnh khó khăn trong khu vực hưởng lợi để triển khai xã hội hóa.

c) Đối tượng được miễn đóng góp

- Đối tượng hộ gia đình là Hộ nghèo; hộ người già neo đơn (80 tuổi trở lên); hộ gia đình thuộc đối tượng bảo trợ xã hội (tất cả các thành viên đều là đối tượng bảo trợ xã hội) theo quy định tại thời điểm vận động xây dựng.

1.2. Hạng mục và tỷ lệ xã hội hóa

TT	Hạng mục xã hội hóa	Tỷ lệ xã hội hóa	
		Nhà nước	Nhân dân
1	1. Phần Lát vỉa hè Toàn bộ chi phí lát vỉa hè như: Gạch, bê tông nền, nhân công, máy thi công.....	70%	30%
2	2. Phần Bó gốc Cây Toàn bộ chi xây dựng Bó gốc cây	100%	
3	Chi phí QLDA, Tư vấn, chi phí khác	100%	
4	Chi phí duy tu, sửa chữa	100%	
5	Công tác vận động giải phóng mặt bằng để lắp đặt hệ thống vỉa hè	UBND phường, xã đảm nhiệm	Vận động nhân dân tự thực hiện GPMB

1.3. Nguyên tắc xác định kinh phí đóng góp xã hội hóa

- Trên cơ sở giá trị dự toán xây lắp được phê duyệt cho các tuyến cụ thể khi triển khai xây dựng, suất đóng góp kinh phí 30% xã hội hóa do nhân dân đóng góp được chia cho các hộ gia đình hưởng lợi trên tuyến trên phần diện tích vỉa hè phía trước mặt của hộ gia đình.

- Đối với các cơ quan Trung ương, tỉnh đóng trên địa bàn và các doanh nghiệp trên các tuyến đường đa số là các cơ quan đơn vị sự nghiệp của nhà nước và các cơ sở kinh doanh nhỏ, lẻ trên địa bàn, trong khi đó diện tích cần lát vỉa hè khá lớn do đó thực hiện đóng góp 30% như đối với hộ gia đình.

- Đối với các cơ quan đơn vị thuộc địa phương quản lý ngân sách địa phương hỗ trợ 100%.

2. Quy định đối với các tuyến đường thực hiện xã hội hóa lát vỉa hè

Nhằm nâng cao tính khả thi, hiệu quả đề án và công tác quản lý, vận động đóng góp kinh phí triển khai thực hiện xã hội Lát vỉa hè đoạn 2023 – 2025 theo thứ tự ưu tiên đầu tư xây dựng như sau:

- Tuyến đường chính đã được đầu tư xây dựng hệ thống cấp thoát nước, điện, viễn thông và lắp đặt bó vỉa hoàn chỉnh; mặt cắt ngang lát vỉa hè từ 1,5m trở lên.

- Tuyến đường có mật độ dân cư sinh sống cao.

- Bó hố góc cây thực hiện trên các tuyến đường có bề rộng vỉa lát vỉa hè từ 1,5m trở lên.

Tùy theo điều kiện thực tế để điều chỉnh bó hố trồng cây cho phù hợp.

III. Phân tích phương án xây dựng, chỉ tiêu kỹ thuật để lựa chọn phương án tối ưu

1. Giải pháp đầu tư:

Lựa chọn đơn vị tư vấn thiết kế có năng lực và có tư cách pháp nhân đảm bảo việc khảo sát, lập Báo cáo Kinh tế kỹ thuật. Tùy theo tình hình thực tế của tuyến đường và địa hình lưu vực và điều kiện kinh tế của các hộ dân để có giải pháp thiết kế kỹ thuật, lựa chọn quy mô, kết cấu đảm bảo việc khai thác sử dụng hiệu quả vỉa hè nhưng tiết kiệm chi phí đầu tư. Có thể lựa chọn các quy mô, kết cấu hệ thống vỉa hè như sau:

2. Tiêu chuẩn kỹ thuật

- QCVN 07:2016/BXD - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về các công trình hạ tầng kỹ thuật;

- TCXDVN 276:2003: Công trình công cộng-Nguyên tắc cơ bản để thiết kế;
- TCVN 2737 - 1995: Tải trọng và tác động-Tiêu chuẩn thiết kế;
- TCVN 9361:2012. Công tác nền móng-Thi công và nghiệm thu;
- TCVN 9379:2012. Kết cấu xây dựng và nền-Nguyên tắc cơ bản về tính toán;
- TCVN 9343:2012. Kết cấu bê tông và BTCT-Hướng dẫn công tác bảo trì;
- TCVN 5574:2012. Kết cấu bê tông và bê tông cốt thép-Tiêu chuẩn thiết kế;
- Kết cấu BT và BT cốt thép - Yêu cầu bảo vệ chống ăn mòn: TCXD 9346-2012;
- Các tiêu chuẩn, qui chuẩn khác liên quan.

3. Phương án đầu tư xây dựng

3.1. Gạch Lát vỉa hè

+ Về kết cấu: Kết cấu hè phố có chiều dày 10cm gồm 3 lớp: Lớp dưới cùng là đất tự nhiên hay đất đắp bù phụ thêm đầm hay lu lèn chặt đạt k95, tạo phẳng; Lớp kế tiếp bạt ngăn cách. Tiếp theo là lớp bê tông xi măng M150 đá 2x4 dày 7 cm; trên cùng lát gạch Terrazo, loại (400x400x30) mm.

+ Chung loại: BTXM sử dụng loại cát vàng, đá xay 2x4; gạch Terrazo trên địa bàn tỉnh; bạt lót ngăn cách là loại có khả năng chịu cắt và ngăn nước trong quá trình thi công.

+ Quy cách, kích thước, màu sắc: Hè phố có độ dốc dọc theo độ dốc dọc của đường, dốc ngang $I_n=1,5-2,0\%$ nghiêng vào mặt đường, chiều cao mép ngoài hè đường bằng chiều cao bó vỉa, bắt đầu từ bó vỉa vào lát 3 lối 400m x 3=1.200 mm, lối thứ 4 lát loại gạch khác màu phân làn người đi bộ với phạm vi sử dụng khác.

3.2. Bê tông bó góc cây

Hố trồng cây: Kích thước lòng hố 1,4m x 1,4m.

Bó hố trồng cây bằng BTXM M150 đá 2x4 chiều cao bó 0,5m, dày 15cm, khoảng cách các hố từ 8m÷12m.

Mặt bó hố trồng cây cao hơn với mặt vỉa hè sau khi lát hoàn chỉnh là 5cm.

IV. Kinh phí thực hiện đề án

1. Kinh phí dự toán đầu tư xây dựng bình quân cho 1 m² lát vỉa hè và 1 bó hố trồng cây

(Tính toán theo các tiêu chuẩn kỹ thuật quy định tại đề án này).

- Tính bình quân 12m bố trí 01 hố trồng cây. Bó hố góc cây thực hiện trên các tuyến đường có bề rộng vỉa lát vỉa hè từ 1,5m trở lên. Tổng số bó hố trồng cây là: 669 cái.

- Giá vật liệu tính theo công bố giá 590/CB - SXD-STC ngày 01/4/2022 của Liên Sở Xây dựng - Sở Tài chính.

- Đơn giá nhân công theo Quyết định số 3148/QĐ-UBND ngày 15/10/2021 của UBND tỉnh Quảng Trị về việc Công bố Đơn giá nhân công xây dựng trên địa bàn tỉnh Quảng Trị.

- Kinh phí dự toán đầu tư xây dựng: bình quân cho 1 m² lát vỉa hè là: **339.000** đồng

Trong đó:

- Nhân dân đóng góp là: Phần xây dựng x 30%: $307.300 * 30\% = 92.100$ đồng

- Ngân sách Nhà nước hỗ trợ là: Phần xây dựng 70% + chi khác

$307.000 * 70\% + 6.600 + 23.400 + 1.800 = 246.900$ đồng

- Kinh phí dự toán đầu tư xây dựng: bình quân cho 1 bó hồ gốc cây (Nhà nước hỗ trợ 100%): 964.000 đồng.

Trong đó : - Phần xây dựng: 856.000 đồng

- Chi phí QLDA, TV, chi khác: 108.000 đồng

2. Kinh phí thực hiện Đề án

2.1. Nhu cầu tính toán kinh phí cho đề án

Đề án đã khảo sát cho 8 tuyến đường dài 4,44 km với diện tích lát vỉa hè là 12.559 m^2 (đã trừ diện tích hố trồng cây), 669 bó hồ trồng cây.

2.2. Kinh phí thực hiện Đề án giai đoạn 2023-2025

* Tổng số vốn đầu tư cho giai đoạn 2023-2025 là: 4.901.176.000 đồng.

(Bằng chữ: Bốn tỷ chín trăm không một triệu một trăm bảy mươi sáu nghìn đồng)

Trong đó:

- Phần nhân dân đóng góp: $12.559 * 92.100 \text{ đồng/m}^2 = 1.156.684.000$ đồng.

- Phần nhà nước đầu tư: 3.744.492.000 đồng.

* Kinh phí thực hiện Đề án bao gồm.

- Ngân sách nhà nước: Ngân sách thị xã bố trí hàng năm theo kế hoạch.

- Tiền nhân dân đóng góp: Mọi nguồn lực từ các tổ chức, cá nhân, đoàn thể, doanh nghiệp...

V. Phương thức thực hiện đề án

- Giao UBND các phường làm chủ đầu tư. Hàng năm căn cứ vào nhu cầu thực tế của nhân dân, UBND các phường thông báo và hướng dẫn đến từng khu phố đăng ký số tuyến, chiều dài tuyến sau đó lập khái toán gửi về Phòng TC-KH trước ngày 20/7 hàng năm để bố trí vốn.

- UBND phường tổ chức lập thiết kế, dự toán từng tuyến cụ thể theo kế hoạch hàng năm, thông qua phòng QLĐT thẩm định, trình UBND thị xã phê duyệt để chuyển cho khu phố, tuyên truyền, vận động nhân dân góp vốn xã hội hóa.

- Khu phố căn cứ dự toán được phê duyệt để tổ chức họp dân và thu tiền đóng góp trên tuyến. Tiền đóng góp của dân nộp về phường. Phường chuyển số tiền lên nộp vào kho bạc nhà nước dưới dạng ký gửi.

- Tuyến đường nào thu đủ kinh phí đóng góp theo tỷ lệ % xã hội hóa theo dự toán đã được Phòng QLĐT thẩm định thì UBND thị xã mới phê duyệt đầu tư và bố trí kinh phí để triển khai thực hiện.

- Tổ chức thi công và nghiệm thu, bàn giao đưa vào sử dụng và quyết toán công trình theo quy định của pháp luật.

- Sau khi thi công công trình hoàn thành các thủ tục nghiệm thu, khu phố, đại diện UBND phường tổ chức họp dân để quyết toán công khai tài chính và được niêm yết công khai.

- Sơ kết đúc rút kinh nghiệm để thực hiện các tuyến khác tốt hơn.
- Công tác quản lý vận hành và sửa chữa thực hiện như hệ thống các công trình hạ tầng kỹ thuật công cộng của thị xã.

VI. Các giải pháp thực hiện

1. Công tác lãnh đạo, chỉ đạo

Công tác lãnh đạo, chỉ đạo của các cấp ủy Đảng, chính quyền phải thực sự quyết liệt, sáng tạo, sâu sát, phải gắn trách nhiệm của người đứng đầu cấp ủy, chính quyền với kết quả tổ chức triển khai thực hiện đề án ở địa phương mình.

2. Công tác tuyên truyền, vận động

Cấp ủy, chính quyền và các ban ngành đoàn thể từ thị xã đến cơ sở có trách nhiệm đẩy mạnh công tác tuyên truyền, vận động mọi tầng lớp nhân dân, cơ quan, doanh nghiệp chung tay cùng nhà nước để thực hiện xã hội hóa lát vỉa hè.

3. Các giải pháp

- Hàng năm giao chỉ tiêu để các phường thực hiện, đây là một chỉ tiêu để đánh giá xếp loại cuối năm và bình xét khen thưởng.
- Tuyến đường nào thuận lợi triển khai trước. Linh hoạt trong việc điều chỉnh danh mục tuyến đường thực hiện xã hội hóa lát vỉa hè phù hợp với nhu cầu, khả năng huy động vốn góp để triển khai đầu tư.
- Thực hiện tốt quy chế dân chủ cơ sở, tăng cường công tác giám sát việc sử dụng kinh phí đúng mục đích, đảm bảo công khai, minh bạch. Phát huy sức mạnh tổng hợp của cả hệ thống chính trị trong công tác vận động, khai thác, thu hút mọi nguồn lực để đầu tư vượt số lượng tuyến theo kế hoạch hàng năm.

Phần 4 TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Phòng Quản lý đô thị

- Phối hợp với UBND các phường thống nhất xác định danh mục tuyến đường đầu tư xã hội hóa lát vỉa hè hàng năm, tổng hợp báo cáo UBND thị xã để chỉ đạo thực hiện. Thẩm định thiết kế, dự toán đầu tư trình UBND thị xã phê duyệt, giám sát chất lượng chủng loại vật tư đưa vào công trình theo Đề án.

- Kiểm tra, hướng dẫn UBND các phường thực hiện công tác đầu tư, quản lý chất lượng công trình đúng quy định của pháp luật. Định kỳ tổng hợp báo cáo kết quả thực hiện về UBND thị xã.

- Hướng dẫn và phối hợp với các phường khảo sát nâng cấp, sửa chữa lại các tuyến đường, vỉa hè do người dân tự tổ chức tự thực hiện đảm bảo kỹ thuật và đồng bộ theo Đề án này.

- Theo dõi, tổng hợp tình hình thực hiện Đề án hàng năm. Trong quá trình thực hiện có khó khăn vướng mắc thì kịp thời báo cáo UBND thị xã để chỉ đạo thực hiện.

2. Phòng Tài chính - Kế hoạch

- Hướng dẫn UBND các phường lập kế hoạch, tổng hợp nhu cầu kinh phí thực hiện xã hội hóa hàng năm. Tham mưu UBND thị xã trình Hội đồng nhân dân thị xã thông qua, phê duyệt kế hoạch vốn thực hiện xã hội hóa theo lộ trình thực hiện Đề án.

- Thẩm định kế hoạch đấu thầu và lựa chọn nhà thầu xây dựng công trình xã hội hóa lát vỉa hè trình UBND thị xã phê duyệt. Hướng dẫn UBND các phường trong việc thu nộp, thanh toán vốn xã hội hóa đầu tư đúng quy định pháp luật.

3. Cấp ủy Đảng, chính quyền, mặt trận và đoàn thể các cấp

- Căn cứ nội dung của Đề án, các cấp ủy Đảng, chính quyền tổ chức quán triệt sâu rộng, nâng cao nhận thức và trách nhiệm cho cán bộ, đảng viên và mọi tầng lớp nhân dân về ý nghĩa, mục tiêu của đề án.

- Phát huy vai trò của Mặt trận và đoàn thể các cấp trong công tác tuyên truyền, vận động nhân dân tham gia và tổ chức giám sát cộng đồng về chất lượng, đảm bảo việc huy động xã hội hóa công khai, dân chủ, công bằng, sử dụng kinh phí xã hội hóa đầu tư lát vỉa hè có hiệu quả.

4. UBND các phường

- Chỉ đạo các khu phố, tổ dân phố phối hợp với Ban công tác mặt trận ở cơ sở triển khai công tác tuyên truyền, vận động nhân dân, tổ chức và các doanh nghiệp tham gia đóng góp vốn, quản lý và sử dụng hiệu quả vốn xã hội hóa đầu tư.

- Xây dựng chương trình, kế hoạch cụ thể để tập trung chỉ đạo thực hiện tốt Đề án giai đoạn 2022-2025. Gắn công tác thực hiện vận động xã hội hóa như một tiêu chí thi đua, bình xét công nhận các danh hiệu của phường.

- Chủ trì, phối hợp với Phòng QLĐT rà soát, lập danh mục các tuyến đường để thực hiện xã hội hóa lát vỉa hè hàng năm, báo cáo Phòng QLĐT và Phòng TC-KH để thống nhất báo cáo UBND thị xã chấp thuận đầu tư và bố trí vốn hàng năm.

- UBND các phường, khu phố có trách nhiệm tổ chức vận động thực hiện công tác giải phóng mặt bằng trên địa bàn mình quản lý. Nhà nước không hỗ trợ việc giải phóng mặt bằng.

- Lập thiết kế, dự toán các tuyến đường theo kế hoạch đầu tư của địa phương hàng năm, trình Phòng QLĐT thẩm định để trình UBND thị xã phê duyệt để triển khai thực hiện. Tổ chức thi công, nghiệm thu bàn giao đúng quy định pháp luật. Tổ chức thực hiện công tác giám sát cộng đồng theo quyết định số 80/2005/QĐ-TTg ngày 18/4/2005 về ban hành quy chế giám sát đầu tư cộng đồng và Chỉ thị số 24/CT-UBND ngày 21/12/2011 của UBND tỉnh.

- Chủ trì, phối hợp với các cơ quan đơn vị liên quan Tổ chức quản lý, sử dụng vỉa hè một cách có hiệu quả.

6. Trung tâm PTCCN-KC&DVCI:

- Tham gia công tác nghiệm thu, tiếp nhận bàn giao, quản lý, vận hành, duy tu, bảo dưỡng các tuyến đường đã được lát vỉa hè sau khi đưa vào sử dụng theo Quy định.

- Phối hợp với UBND các phường tổ chức quản lý sử dụng vỉa hè một cách hiệu quả.

Phần 5 **KẾT LUẬN**

Xã hội hóa xây dựng Lát vỉa hè các tuyến đường trên địa bàn thị xã có ý nghĩa tác động đến nhiều mặt đời sống kinh tế - xã hội của địa phương và góp phần đẩy nhanh tiến trình đô thị hóa của thị xã, tạo bộ mặt, nếp sống văn minh đô thị, nâng cao đời sống văn hóa, tinh thần của nhân dân.

Đề án xã hội hóa Lát vỉa hè các tuyến đường trên địa bàn thị xã Quảng Trị giai đoạn 2023-2025 có vai trò quan trọng nhằm cụ thể hóa chương trình hành động thực hiện nghị quyết Đảng bộ tỉnh lần thứ XVII, nghị quyết Đại hội Đảng bộ thị xã Quảng Trị lần thứ VII phấn đấu đạt tiêu chí tiêu chí đô thị loại III vào năm 2025.

Thực hiện thắng lợi Đề án này không chỉ góp phần hoàn thiện hệ thống hạ tầng kỹ thuật đô thị mà còn góp phần phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo an toàn giao thông, an ninh trật tự của địa phương. Đồng thời thực hiện Đề án này sẽ khơi dậy phong trào trong quần chúng nhân dân góp sức cùng nhà nước đầu tư hoàn thiện hệ thống hạ tầng kỹ thuật đô thị, phát huy quy chế dân chủ cơ sở, chung tay xây dựng thị xã ngày càng khang trang, sạch đẹp, phấn đấu đạt mục tiêu đưa thị xã đạt các tiêu chí đô thị loại III vào năm 2025./.

Nơi nhận:

- TT Thị ủy;
- TT HĐND thị xã;
- CT, các PCT UBND thị xã;
- UBMTTQVN và các đoàn thể thị xã;
- Đại biểu HĐND thị xã;
- Các cơ quan liên quan;
- UBND các phường, xã;
- Lưu VT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Hồng Sơn

**BẢNG THỐNG KÊ DANH MỤC CÁC TUYẾN ĐƯỜNG THỰC HIỆN
XÃ HỘI HÓA LÁT VỈA HÈ GIAI ĐOẠN 2023-2025**

TỔNG HỢP KHỐI LƯỢNG

**CÔNG TRÌNH: XÃ HỘI HÓA LÁT VỈA HÈ CÁC TUYẾN ĐƯỜNG TRÊN
ĐỊA BÀN THỊ XÃ QUẢNG TRỊ (GIAI ĐOẠN 2023-2025)**

Địa điểm xây dựng: Phường 1,2,3 thị xã Quảng Trị

TT	Tên đường	Chiều dài tuyến(m)	Bề rộng vỉa hè (TB)	Diện tích cần lát(m ²)	Bó hồ trồng cây	Số hộ dân trên tuyến
	Phường 1	0,97		3.410	97	78
1	<i>Trần Phú</i>	0,47	1,50	1.410	47	30
2	<i>Hai Bà Trưng</i>	0,5	2,00	2.000	50	48
	Phường 2	0,57		1.660	89	46
1	Đường Hai Bà Trưng	0,25	2,80	700	25	18
2	Đường Lê Quý Đôn	0,12	1,5	360	24	10
3	Đường Võ Thị Sáu	0,2	1,50	600	40	18
	Phường 3	2,90		8.994	483	309
1	Đường Nguyễn Bỉnh Khiêm	0,3	2	1.200	50	20
2	Đường Hai Bà Trưng	1,348	1,50	4.044	225	144
3	Đường Nguyễn Trãi	1,25	1,5	3.750	208	145
	Tổng cộng	4,44	-	14.064	669	433

**BẢNG TỔNG HỢP KHỐI LƯỢNG
CHO 1m² LÁT VỈA HÈ VÀ 1 HỒ TRỒNG CÂY**

<i>STT</i>	<i>DANH MỤC</i>	<i>ĐVT</i>	<i>S.L</i>
I	Phần Nhà nước và nhân dân đầu tư: Lắp đặt vỉa hè		
1	Phá dỡ kết cấu bê tông không cốt thép bằng máy khoan bê tông 1,5kw	m3	0,0700
2	Đào xúc đất để đắp hoặc ra bãi thải, bãi tập kết bằng thủ công - Cấp đất III	1m3	0,0700
3	Rải giấy dầu lớp cách ly	100m2	0,0100
4	Ván khuôn móng dài	100m2	0,0007
5	Bê tông móng SX bằng máy trộn, đổ bằng thủ công, rộng >250cm, M150, đá 2x4, PCB40	m3	0,0700
6	Lát gạch xi măng, vữa XM M75, PCB30	m2	1,0000
II	Phần nhà nước đầu tư 100%: 01 Bó gốc cây	m3	0,0700
1	Đào móng bằng bằng thủ công, rộng ≤3m, sâu ≤1m - Cấp đất III	1m3	0,4500
	$0,15*1,5*4*0,5 = 0,45$		
2	Rải giấy dầu lớp cách ly thay ván khuôn	100m2	0,0690
	$1,5*4*(0,5*2+0,15)/100 = 0,069$		
3	Bê tông tường SX bằng máy trộn, đổ bằng thủ công - Chiều dày ≤45cm, chiều cao ≤6m, M150, đá 2x4, PCB30	m3	0,4500
	$0,15*0,5*1,5*4 = 0,45$		
II	Phần nhà nước đầu tư 100%: QĐA, TV, chi khác		
	Chi phí quản lý dự án		2,901% \times 0,8
	Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng		
	Chi phí lập báo cáo kinh tế - kỹ thuật (Thông tư 12/2021/TT-BXD)		5,8%
	Chi phí giám sát thi công xây dựng (Thông tư 12/2021/TT-BXD)		2,566%
	Chi phí khác		
	Chi phí thẩm tra, phê duyệt quyết toán (Nghị định 99/2021/NĐ-CP)		0,57%
	Chi phí thẩm định TK dự toán (Thông tư 75/2014/TT- BTC)		(0,126+0,122%) \times 0,5

BẢNG TỔNG HỢP TỔNG MỨC ĐẦU TƯ XÂY DỰNG

(Căn cứ theo Thông tư 12/2021/TT-BXD ngày 31 tháng 8 năm 2021)

CÔNG TRÌNH: XÃ HỘI HÓA LÁT VĨA HÈ

Loại công trình:	Công trình hạ tầng kỹ thuật
Loại thiết kế:	Thiết kế 1 bước
Cấp công trình:	Cấp IV
Cách thẩm định:	Tự thẩm định toàn bộ

Đơn vị tính: đồng

STT	NỘI DUNG CHI PHÍ	Tỷ lệ %	Hệ số	CÁCH TÍNH	GIÁ TRỊ SAU THUẾ	KÝ HIỆU
1	Chi phí xây dựng				307.313	Gxd
1.1	Chi phí xây dựng công trình chính					
1.1.1	VĨA HÈ		1	Theo bảng tổng hợp dự toán hạng mục	307.313	
1.1.2	HỒ TRÔNG CÂY		1	Theo bảng tổng hợp dự toán hạng mục		
2	Chi phí quản lý dự án	2,901%	0,8	(Gxd+Gtb) trước thuế x tỷ lệ	6.604	Gqlda
3	Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng				23.395	Gtv
3.1	Chi phí lập báo cáo kinh tế - kỹ thuật (Thông tư 12/2021/TT-BXD)	5,8%		(Gxd+Gtb) trước thuế x tỷ lệ	17.824	
3.2	Chi phí giám sát thi công xây dựng (Thông tư 12/2021/TT-BXD)	2,566%		Dự toán gói thầu XD trước thuế x tỷ lệ	5.571	
4	Chi phí khác				1.798	Gk
4.1	Chi phí thẩm tra, phê duyệt quyết toán (Nghị định 99/2021/NĐ-CP)	0,57%		Tổng mức đầu tư x tỷ lệ	1.622	
4.2	Chi phí thẩm định dự toán (Thông tư 75/2014/TT- BTC)	0,126+0122%	0,5	Gxd trước thuế x tỷ lệ	176	
	Tổng cộng				339.110	Gxdct
	Làm tròn				339.000	

Bảng chữ: Ba trăm ba mươi chín ngàn đồng./.

BẢNG TỔNG HỢP DỰ TOÁN HẠNG MỤC
CÔNG TRÌNH: XÃ HỘI HÓA LÁT VỈA HÈ
HẠNG MỤC: VỈA HÈ

Đơn vị tính: đồng

STT	NỘI DUNG CHI PHÍ	CÁCH TÍNH	GIÁ TRỊ	KÝ HIỆU
I	CHI PHÍ TRỰC TIẾP			
1	Chi phí vật liệu	VLHT	156.103	VL
	- Đơn giá vật liệu	Theo bảng tổng hợp vật liệu	156.103	VLHT
2	Chi phí nhân công	NCHT	87.057	NC
	- Đơn giá nhân công	Theo bảng tổng hợp nhân công	87.057	NCHT
3	Chi phí máy thi công	MHT	5.196	M
	- Đơn giá máy thi công	Theo bảng tổng hợp máy thi công	5.196	MHT
	Chi phí trực tiếp	VL + NC + M	248.356	T
II	CHI PHÍ GIÁN TIẾP			
1	Chi phí chung	$T \times 5,5\%$	13.660	C
2	Chi phí nhà tạm để ở và điều hành thi công	$T \times 1,1\%$	2.732	LT
3	Chi phí một số công việc không xác định được khối lượng từ thiết kế	$T \times 2\%$	4.967	TT
	Chi phí gián tiếp	C + LT + TT	21.359	GT
III	THU NHẬP CHỊU THUẾ TÍNH TRƯỚC	$(T + GT) \times 5,5\%$	14.834	TL
	Chi phí xây dựng trước thuế	T + GT + TL	284.549	G
IV	THUẾ GIÁ TRỊ GIA TĂNG	$G \times 8\%$	22.764	GTGT
	Chi phí xây dựng sau thuế	G + GTGT	307.313	Gxd
	Tổng cộng	Gxd	307.313	
	Làm tròn		307.000	

Bảng chữ: Ba trăm lẻ bảy nghìn đồng./.

DỰ TOÁN KINH PHÍ CHO 1 BÓ HỒ TRỒNG CÂY

STT	NỘI DUNG CHI PHÍ	Tỷ lệ %	Hệ số	CÁCH TÍNH	GIÁ TRỊ TRƯỚC THUẾ	THUẾ GTGT	GIÁ TRỊ SAU THUẾ	KÝ HIỆU
1	Chi phí xây dựng				792.842	63.427	856.269	Gxd
1.1	Chi phí xây dựng công trình chính				792.842	63.427	856.269	
1.1.1	VÍA HÈ		1	Theo bảng tổng hợp dự toán hạng mục				
1.1.2	HỒ TRỒNG CÂY		1	Theo bảng tổng hợp dự toán hạng mục	792.842	63.427	856.269	
2	Chi phí quản lý dự án	2,901%	0,8	(Gxd+Gtb) trước thuế x tỷ lệ	18.400		18.400	Gqlda
3	Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng				78.367	6.270	84.637	Gtv
3.1	Chi phí lập báo cáo kinh tế - kỹ thuật (Thông tư 12/2021/TT-BXD)	5,8%		(Gxd+Gtb) trước thuế x tỷ lệ	45.985	3.679	49.664	
3.2	Chi phí giám sát thi công xây dựng (Thông tư 12/2021/TT-BXD)	2,566%		Dự toán gói thầu XD trước thuế x tỷ lệ	32.382	2.591	34.973	
4	Chi phí khác				5.011		5.011	Gk
4.1	Chi phí thẩm tra, phê duyệt quyết toán (Nghị định 99/2021/NĐ-CP)	0,57%		Tổng mức đầu tư x tỷ lệ	4.519		4.519	
4.2	Chi phí thẩm định TK dự toán (Thông tư 75/2014/TT- BTC)	0,126+0,122%	0,5	Gxd trước thuế x tỷ lệ	492		492	
	Tổng cộng				894.620	69.697	964.317	Gxdet
	Làm tròn						964.000	

Bảng chữ: Chín trăm sáu mươi bốn nghìn đồng./.

BẢNG TỔNG HỢP DỰ TOÁN HẠNG MỤC

CÔNG TRÌNH: XÃ HỘI HÓA LÁT VỈA HÈ

HẠNG MỤC: HỒ TRỒNG CÂY

Đơn vị tính: đồng

STT	NỘI DUNG CHI PHÍ	CÁCH TÍNH	GIÁ TRỊ	KÝ HIỆU
I	CHI PHÍ TRỰC TIẾP			
1	Chi phí vật liệu	(VLG + CLVL)	335.314	VL
	- Đơn giá vật liệu gốc	Theo bảng tính toán, đo bóc khối lượng công trình	335.314	VLG
	- Chênh lệch giá vật liệu	Theo bảng tổng hợp vật liệu và chênh lệch giá		CLVL
2	Chi phí nhân công	BNC	326.448	NC
	- Đơn giá nhân công gốc	Theo bảng tính toán, đo bóc khối lượng công trình	326.448	NCG
	- Chênh lệch giá nhân công	Theo bảng tổng hợp nhân công và chênh lệch giá		CLNC
	- Hệ số điều chỉnh nhân công	$(NCG + CLNC) \times 1$	326.448	BNC
3	Chi phí máy thi công	BM	30.235	M
	- Đơn giá máy thi công gốc	Theo bảng tính toán, đo bóc khối lượng công trình	30.235	MG
	- Chênh lệch giá máy thi công	Theo bảng tổng hợp máy thi công và chênh lệch giá		CLM
	- Hệ số điều chỉnh máy thi công	$(MG + CLM) \times 1$	30.235	BM
	Chi phí trực tiếp	VL + NC + M	691.997	T
II	CHI PHÍ GIÁN TIẾP			
1	Chi phí chung	$T \times 5,5\%$	38.060	C
2	Chi phí nhà tạm để ở và điều hành thi công	$T \times 1,1\%$	7.612	LT
3	Chi phí một số công việc không xác định được khối lượng từ thiết kế	$T \times 2\%$	13.840	TT
	Chi phí gián tiếp	C + LT + TT	59.512	GT
III	THU NHẬP CHỊU THUẾ TÍNH TRƯỚC	$(T + GT) \times 5,5\%$	41.333	TL
	Chi phí xây dựng trước thuế	T + GT + TL	792.842	G
IV	THUẾ GIÁ TRỊ GIA TĂNG	$G \times 8\%$	63.427	GTGT
	Chi phí xây dựng sau thuế	G + GTGT	856.269	Gxd
	Tổng cộng	Gxd	856.269	
	Làm tròn		856.000	

Bảng chữ: Tám trăm năm mươi sáu nghìn đồng./.

BẢNG CHI TIẾT KHỐI LƯỢNG CÔNG TÁC XÂY DỰNG

(Ban hành kèm theo Thông tư số 13/2021/TT-BXD ngày 31/08/2021 của Bộ Xây dựng)

CÔNG TRÌNH: XÃ HỘI HÓA LÁT VỈA HÈ

STT	Danh mục công tác	Đơn vị	Khối lượng toàn bộ	Đơn giá			Thành tiền		
				Vật liệu	Nhân công	Máy thi công	Vật liệu	Nhân công	Máy thi công
HẠNG MỤC: VỈA HÈ									
1	Phá dỡ kết cấu bê tông không cốt thép bằng máy khoan bê tông 1,5kw	m3	0,0700		334.901	24.684		23.443	1.72
2	Đào xúc đất để đắp hoặc ra bãi thải, bãi tập kết bằng thủ công - Cấp đất III	1m3	0,0700		138.948			9.726	
3	Đắp cát công trình bằng máy đầm đất cầm tay 70kg, độ chặt Y/C K = 0,95	100m3		14.210.072	767.779	776.693			
4	Rải giấy dầu lớp cách ly	100m2	0,0100	385.770	30.116		3.858	301	
5	Ván khuôn móng dài	100m2	0,0007	1.405.898	2.669.851	297.020	984	1.869	20
6	Bê tông móng SX bằng máy trộn, đổ bằng thủ công, rộng >250cm, M150, đá 2x4, PCB40	m3	0,0700	771.069	271.732	46.339	53.975	19.021	3.24
7	Lát gạch xi măng, vữa XM M75, PCB30	m2	1,0000	97.280	32.692		97.280	32.692	
	TỔNG HẠNG MỤC						156.097	87.052	5.18
HẠNG MỤC: HỒ TRỒNG CÂY									
1	Đào móng bằng bằng thủ công, rộng ≤3m, sâu ≤1m - Cấp đất III	1m3	0,4500		220.892			99.401	
2	Rải giấy dầu lớp cách ly thay ván khuôn	100m2	0,0690	440.880	30.116		30.421	2.078	
3	Bê tông tường SX bằng máy trộn, đổ bằng thủ công - Chiều dày ≤45cm, chiều cao ≤6m, M150, đá 2x4, PCB30	m3	0,4500	677.541	499.930	67.189	304.893	224.969	30.23
	TỔNG HẠNG MỤC						335.314	326.448	30.23

BẢNG TỔNG HỢP KINH PHÍ ĐỀ ÁN

STT	NỘI DUNG CHI PHÍ	Tỷ lệ %	Hệ số	CÁCH TÍNH	GIÁ TRỊ SAU THUẾ	KÝ HIỆU
1	Chi phí xây dựng				4.432.245.400	Gxd
1.1	VĨA HÈ		1	12.559m ² x307.300đ/m ²	3.859.380.700	
1.2	HỒ TRỒNG CÂY		1	669hố x 856.300đ/ hố	572.864.700	
3	Chi phí thiết bị			Theo bảng tổng hợp chi phí TB		Gtb
2	Chi phí quản lý dự án	2,901%	0,8	(Gxd+Gtb) trước thuế x tỷ lệ	95.244.000	Gqlđa
3	Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng				343.335.000	Gtv
5.1	Chi phí khảo sát địa chất					
3.1	Chi phí lập báo cáo kinh tế - kỹ thuật (Thông tư 12/2021/TT-BXD)	5,8%		(Gxd+Gtb) trước thuế x tỷ lệ	238.028.000	
3.2	Chi phí giám sát thi công xây dựng (Thông tư 12/2021/TT-BXD)	2,566%		Dự toán gói thầu XD trước thuế x tỷ lệ	105.307.000	
4	Chi phí khác				30.352.000	Gk
4.1	Chi phí thẩm tra, phê duyệt quyết toán (Nghị định 99/2021/NĐ-CP)	0,57%		Tổng mức đầu tư x tỷ lệ	25.264.000	
6.6	Chi phí kiểm toán độc lập (Thông tư 09/2016/TT-BTC)			Tổng mức đầu tư x tỷ lệ		
6.6	Phí thẩm định thiết kế kỹ thuật (Thông tư 210/2016/TT- BTC)	0,126%	0,5	Gxd trước thuế x tỷ lệ	2.585.000	
6.7	Phí thẩm định dự toán xây dựng (Thông tư 210/2016/TT- BTC)	0,122%	0,5	Gxd trước thuế x tỷ lệ	2.503.000	
						Gdp
	Làm tròn				4.901.176.400	

Bảng chữ: Bốn tỷ chín trăm lẻ một triệu một trăm bảy mươi sáu nghìn đồng./.